

Số: /KH-CTK

Ninh Bình, ngày tháng năm 2024

KẾ HOẠCH

Tổ chức, triển khai thực hiện Phương án Điều tra xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của các đơn vị, doanh nghiệp năm 2025 tỉnh Ninh Bình

Thực hiện Phương án Điều tra xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của các đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 28/02/2019 của UBND tỉnh Ninh Bình. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, Cục Thống kê (sau đây viết gọn là Cục) xây dựng Kế hoạch tổ chức, triển khai thực hiện Phương án Điều tra xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của các đơn vị, doanh nghiệp (sau đây viết gọn là Điều tra xuất khẩu, nhập khẩu) năm 2025 trên địa bàn tỉnh, gồm các nội dung sau:

A. NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CUỘC ĐIỀU TRA

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU ĐIỀU TRA

1. Mục đích

Thu thập thông tin về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình phục vụ cho việc tổng hợp số liệu xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa trên phạm vi toàn tỉnh; đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành, hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội của địa phương cũng như xây dựng cơ chế, chính sách phát triển doanh nghiệp và thu hút đầu tư của tỉnh Ninh Bình.

2. Yêu cầu

- Phản ánh kịp thời, đầy đủ, trung thực kết quả hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của các loại hình doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;
- Công tác tổ chức, thu thập thông tin, xử lý thông tin, tổng hợp, công bố và lưu trữ dữ liệu cuộc điều tra phải được thực hiện theo đúng quy định của Phương án điều tra;
- Bảo mật thông tin thu thập từ các đối tượng điều tra theo quy định của Luật Thống kê;
- Quản lý và sử dụng kinh phí của cuộc điều tra đúng chế độ hiện hành, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, ĐƠN VỊ ĐIỀU TRA

1. Phạm vi điều tra

Điều tra xuất khẩu, nhập khẩu được tiến hành trên phạm vi toàn tỉnh.

2. Đối tượng, đơn vị điều tra

Là các doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập, được thành lập và chịu sự điều tiết bởi Luật Doanh nghiệp; Hợp tác xã/Liên hợp tác xã hoạt động theo Luật Hợp tác xã và các chi nhánh của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh/thành phố khác (sau đây viết gọn là doanh nghiệp) đóng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, đang hoạt động sản xuất kinh doanh, đang đầu tư xây dựng có hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu trực tiếp hàng hóa từ nước ngoài.

Đơn vị điều tra bao gồm:

- Công ty TNHH 1 thành viên 100% vốn NNTW;
- Công ty TNHH 1 thành viên 100% vốn NNĐP;
- Công ty CP, Cty TNHH có vốn Nhà nước > 50%;
- Công ty Nhà nước;
- Hợp tác xã/liên hiệp HTX;
- Doanh nghiệp tư nhân;
- Công ty hợp danh;
- Công ty TNHH tư nhân, Cty TNHH có vốn Nhà nước $\leq 50\%$;
- Công ty cổ phần không có vốn Nhà nước;
- Công ty cổ phần có vốn Nhà nước $\leq 50\%$;
- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

III. LOẠI ĐIỀU TRA

Điều tra xuất khẩu, nhập khẩu là cuộc điều tra toàn bộ, danh sách các đơn vị điều tra được lập trước khi tiến hành điều tra trên cơ sở thông tin từ các nguồn:

- Danh sách các doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa từ kết quả điều tra doanh nghiệp;
- Danh sách do Cơ quan Hải quan cung cấp;
- Danh sách các doanh nghiệp phát sinh đăng ký mới do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp.

Định kỳ hằng tháng giao Phòng Thu thập Thông tin thống kê tiến hành cập nhật, bổ sung những doanh nghiệp có phát sinh hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh thực hiện điều tra.

IV. THỜI GIAN, THỜI KỲ VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA

1. Thời gian điều tra: Từ ngày 05 đến ngày 12 hằng tháng.

2. Thời kỳ điều tra: Thu thập số liệu thực hiện chính thức của tháng trước và ước tính số liệu của tháng báo cáo.

3. Phương pháp điều tra

Điều tra xuất, nhập khẩu năm 2025 áp dụng hai phương thức thu thập thông tin.

3.1. Thu thập thông tin trực tiếp

Điều tra viên (sau đây viết gọn là ĐTV) trực tiếp đến đơn vị điều tra, phỏng vấn người đại diện đơn vị điều tra về những thông tin quy định trong phiếu điều tra và ghi thông tin vào phiếu điều tra.

3.2. Thu thập thông tin gián tiếp

ĐTV hướng dẫn doanh nghiệp cách ghi phiếu điều tra để doanh nghiệp tự ghi thông tin về kết quả hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu gửi về cơ quan Thống kê theo thời gian quy định.

Căn cứ tình hình thực tế, sử dụng phương pháp phù hợp nhằm bảo đảm thu thập đầy đủ, chính xác nội dung thông tin, kịp thời gian và tiết kiệm kinh phí.

V. NỘI DUNG, PHIẾU ĐIỀU TRA

1. Nội dung điều tra

1.1. Thông tin chung về doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp, địa chỉ, điện thoại, fax, email của doanh nghiệp;
- Mã số thuế của doanh nghiệp;
- Tên, số điện thoại của Giám đốc (hoặc kế toán trưởng), người ghi phiếu;
- Loại hình doanh nghiệp.

1.2. Thông tin về xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa với nước ngoài của doanh nghiệp

- Tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu với nước ngoài chia theo từng nước đối tác;
- Lượng, trị giá từng nhóm/mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu chia theo từng nước đối tác.

2. Phiếu điều tra

Điều tra xuất khẩu, nhập khẩu sử dụng 02 loại phiếu điều tra bao gồm:

- (1). Phiếu số 01/DN-XKHH: Phiếu thu thập thông tin về hoạt động xuất khẩu hàng hóa của doanh nghiệp;
- (2). Phiếu số 02/DN-NKHH: Phiếu thu thập thông tin về hoạt động nhập khẩu hàng hóa của doanh nghiệp.

VI. BẢNG PHÂN LOẠI, DANH MỤC SỬ DỤNG TRONG ĐIỀU TRA

Điều tra xuất khẩu, nhập khẩu sử dụng 04 bảng phân loại và danh mục thống kê sau:

1. Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ;
2. Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và những thay đổi được Tổng cục Thống kê cập nhật theo quy định;

3. Danh mục nhóm/mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu ban hành kèm theo Kế hoạch này;

4. Danh mục nước và vùng, lãnh thổ phân theo khu vực địa lý kèm theo Kế hoạch này.

VII. QUY TRÌNH XỬ LÝ VÀ TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỀU TRA

1. Quy trình xử lý thông tin

Sau khi kết thúc giai đoạn thu thập thông tin, các loại phiếu điều tra được bàn giao về Cục để kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu kết quả điều tra. Cục giao Phòng Thu thập Thông tin thống kê trực tiếp nhận và nghiệm thu số lượng, chất lượng từng loại phiếu điều tra, đồng thời nhập tin kết quả điều tra theo từng kỳ điều tra.

2. Tổng hợp kết quả điều tra

Kết quả điều tra được tổng hợp hằng tháng, bảo đảm tổng hợp chỉ tiêu về xuất khẩu, nhập khẩu theo nội dung điều tra quy định tại Mục V trong Kế hoạch này.

B. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. CÔNG TÁC CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị tài liệu, tuyển chọn Điều tra viên, Giám sát viên và hướng dẫn nghiệp vụ điều tra

1.1. Chuẩn bị tài liệu

- Phòng Thu thập Thông tin thống kê: Căn cứ Phương án điều tra, nội dung nghiệp vụ lập tờ trình in tài liệu và vật tư phục vụ công tác điều tra, trình Lãnh đạo Cục phê duyệt, thời gian thực hiện hoàn thành trước ngày **26/12/2024**;

- Phòng Tổ chức - Hành chính: Thực hiện việc in tài liệu, mua sắm văn phòng phẩm cần thiết phục vụ công tác điều tra theo đề nghị của Phòng Thu thập Thông tin thống kê sau khi đã được Lãnh đạo Cục phê duyệt.

1.2. Tuyển chọn Điều tra viên, Giám sát viên

- Trong cuộc điều tra này, Cục sử dụng lực lượng ĐTV không hưởng lương từ ngân sách Nhà nước có trình độ, kinh nghiệm và đã từng tham gia các cuộc điều tra thống kê. Các Phòng nghiệp vụ thuộc Cơ quan Cục và Chi cục Thống kê các huyện, khu vực (sau đây viết gọn là Chi cục Thống kê) lập tờ trình số lượng, danh sách và việc sử dụng ĐTV gửi về Cục (qua Phòng Tổ chức - Hành chính), thời gian thực hiện hoàn thành trước ngày **26/12/2024**; giao Phòng Tổ chức - Hành chính trên cơ sở tờ trình của các Phòng nghiệp vụ thuộc Cơ quan Cục và các Chi cục Thống kê lập tờ trình số lượng, danh sách ĐTV, dự thảo Quyết định sử dụng ĐTV, trình Cục trưởng ban hành Quyết định sử dụng ĐTV thực hiện Điều tra xuất khẩu, nhập khẩu năm 2025 trên địa bàn tỉnh, thời gian thực hiện hoàn thành trước ngày **30/12/2024**;

Trường hợp các ĐTV đã được hướng dẫn nghiệp vụ điều tra không thể tham gia công tác điều tra hoặc thiếu cần bổ sung, Cục giao Trưởng Phòng Thu thập Thông tin thống kê, Trưởng các Phòng nghiệp vụ thuộc Cơ quan Cục và Chi cục trưởng các Chi cục Thống kê cần bổ sung, thay thế ĐTV báo cáo Lãnh đạo Cục và tổ chức hướng dẫn nghiệp vụ điều tra cho ĐTV bổ sung, thay thế, đồng thời lập danh sách ĐTV bổ sung, thay thế gửi về Cục (qua Phòng Tổ chức - Hành chính) ngay khi phát sinh để theo dõi, cập nhật và trình Cục trưởng phê duyệt bổ sung ĐTV theo quy định.

- Giám sát viên (sau đây viết gọn là GSV) là lực lượng thực hiện công việc giám sát các hoạt động của ĐTV, hỗ trợ chuyên môn cho ĐTV trong quá thực hiện điều tra. Căn cứ tình hình thực tế tại các Phòng nghiệp vụ thuộc Cơ quan Cục và các Chi cục Thống kê tuyển chọn GSV là Lãnh đạo và công chức của đơn vị thực hiện nhiệm vụ giám sát cuộc điều tra đảm bảo yêu cầu Phương án điều tra quy định.

1.3. Hướng dẫn nghiệp vụ điều tra

Cục giao Trưởng các Phòng nghiệp vụ thuộc Cơ quan Cục, Chi cục trưởng các Chi cục Thống kê căn cứ nghiệp vụ Phương án điều tra quy định, tổ chức hướng dẫn nghiệp vụ điều tra cho ĐTV và GSV thuộc đơn vị đảm bảo đáp ứng yêu cầu Phương án điều tra quy định, thời gian thực hiện hoàn thành trước ngày **30/12/2024**.

2. Một số công việc thực hiện trước khi tiến hành điều tra

2.1. Phòng Thu thập Thông tin thống kê

- Đăng tải Quyết định điều tra, Phương án điều tra, phiếu điều tra, đưa tin về công tác triển khai Điều tra xuất khẩu, nhập khẩu năm 2025 trên địa bàn tỉnh lên trang Web của Cục;

- Phân bổ danh sách đơn vị điều tra, thông báo đến các đơn vị tham gia điều tra và các Chi cục Thống kê triển khai thu thập thông tin, thời gian thực hiện hoàn thành trước ngày **27/12/2024**;

- Dự thảo Văn bản thông báo nội dung Điều tra xuất khẩu, nhập khẩu năm 2025 trên địa bàn tỉnh đến các doanh nghiệp, cấp phát đến ĐTV; dự thảo Văn bản thông báo nội dung Điều tra xuất khẩu, nhập khẩu năm 2025 trên địa bàn tỉnh thông báo đến UBND các địa phương trình Lãnh đạo Cục phê duyệt, thời gian thực hiện hoàn thành trước ngày **26/12/2024**.

2.2. Phòng Tổ chức - Hành chính

Gửi các văn bản liên quan đến cuộc Điều tra xuất khẩu, nhập khẩu năm 2025 trên địa bàn tỉnh đến các đơn vị tham gia điều tra và các Chi cục Thống kê thực hiện nhiệm vụ triển khai công tác điều tra: Kế hoạch điều tra; Kế hoạch kiểm tra, giám sát cuộc điều tra...

II. CÔNG TÁC ĐIỀU TRA, KIỂM TRA, GIÁM SÁT THU THẬP THÔNG TIN

1. Điều tra viên

Tuyên truyền, giới thiệu mục đích, ý nghĩa của cuộc Điều tra xuất khẩu, nhập khẩu năm 2025 khi tiếp xúc với đơn vị điều tra; định kỳ hằng tháng ĐTV trực tiếp đến thu thập thông tin tại đơn vị được giao phụ trách, việc phỏng vấn, ghi vào phiếu phải tuân thủ đúng những quy định về nghiệp vụ và quy trình phỏng vấn; trong thời gian thực hiện nhiệm vụ, ĐTV phải chấp hành nghiêm chỉnh sự điều hành của GSV các cấp.

2. Kiểm tra, giám sát

- Giao Phòng Thu thập Thông tin thống kê lập Kế hoạch kiểm tra, giám sát Điều tra xuất khẩu, nhập khẩu năm 2025 trên địa bàn tỉnh trình Lãnh đạo Cục phê duyệt (theo Mẫu số 01, Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 116/QĐ-CTK ngày 16/12/2024 của Cục trưởng Cục Thống kê Ninh Bình về việc ban hành Kế hoạch kiểm tra, giám sát thực hiện Phương án điều tra thống kê năm 2025), thời gian thực hiện hoàn thành trước ngày **27/12/2024**;

- Các Chi cục Thống kê căn cứ tình hình tại địa phương để xây dựng Kế hoạch kiểm tra, giám sát Điều tra xuất khẩu, nhập khẩu năm 2025 trên địa bàn các huyện, thành phố đáp ứng yêu cầu Phương án điều tra quy định.

Hoạt động kiểm tra, giám sát tập trung vào quá trình điều tra tại địa bàn, kiểm tra và hoàn thiện phiếu điều tra. Quy trình kiểm tra, giám sát được thực hiện như sau:

2.1. Đối với GSV cấp huyện

Thực hiện kiểm tra, giám sát và hoàn thiện phiếu điều tra của các ĐTV được phân công phụ trách với các nhiệm vụ chính sau:

- Kiểm tra, bảo đảm ĐTV tiến hành thu thập thông tin, phỏng vấn trực tiếp và đúng đối tượng điều tra, tiến độ điều tra;

- Kiểm tra chất lượng thông tin, thông báo cho ĐTV những thông tin trong phiếu cần kiểm tra, xác minh để hoàn thành phiếu;

- Hoàn thiện toàn bộ phiếu điều tra tại các địa bàn được phân công giám sát sau khi ĐTV đã hoàn thành điều tra và hoàn thiện sửa lỗi;

- Thông báo cho ĐTV những vấn đề nghiệp vụ cần lưu ý trong quá trình điều tra thực địa tránh lỗi hệ thống, hoặc trả lời những câu hỏi của ĐTV liên quan đến nghiệp vụ điều tra;

- Báo cáo với GSV cấp tỉnh về những vấn đề nghiệp vụ phát sinh trong quá trình điều tra để thống nhất thực hiện.

2.2. Đối với GSV cấp tỉnh

Thực hiện kiểm tra, giám sát tại các địa bàn được phân công phụ trách với các nhiệm vụ chính sau:

- Kiểm tra tiến độ thực hiện điều tra hằng ngày của ĐTV; tiến độ điều tra tại các địa bàn được phân công phụ trách;
- Kiểm tra chất lượng thông tin trên phiếu điều tra, thông báo lỗi phiếu điều tra tới GSV cấp huyện về những thông tin trong phiếu cần kiểm tra, xác minh lại để hoàn thành phiếu điều tra theo sự phân công;
- Thông báo cho GSV cấp huyện những vấn đề nghiệp vụ cần lưu ý; trả lời những câu hỏi của GSV cấp huyện liên quan đến nghiệp vụ điều tra;
- Báo cáo Lãnh đạo Cục (qua Phòng Thu thập Thông tin thống kê) về những vấn đề nghiệp vụ phát sinh trong quá trình điều tra để thống nhất thực hiện tại địa phương.

III. LỰC LƯỢNG THAM GIA

1. Chỉ đạo chung: Ban Lãnh đạo Cục

2. Giám sát viên

- Cấp tỉnh: Lãnh đạo và công chức các Phòng: Thu thập Thông tin thống kê, Thống kê Kinh tế, Thống kê Tổng hợp và Thống kê Xã hội;
- Cấp huyện: Các Chi cục Thống kê căn cứ tình hình thực tế tại đơn vị phân công GSV triển khai thực hiện công tác kiểm tra, giám sát Điều tra xuất khẩu, nhập khẩu năm 2025 phù hợp với nhiệm vụ được giao.

3. Điều tra viên

Điều tra viên không hưởng lương từ ngân sách Nhà nước, có đủ điều kiện thực hiện công tác điều tra.

IV. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN BÁO CÁO

1. Phòng Thu thập Thông tin thống kê

Chủ trì, thực hiện công tác kiểm tra, làm sạch dữ liệu, nghiệm thu chính thức kết quả điều tra, nhập tin, tổng hợp, nhận xét kết quả điều tra trên địa bàn toàn tỉnh. Báo cáo tình hình tổ chức, triển khai thực hiện cuộc điều tra trên địa bàn tỉnh, thực hiện phân tích kết quả điều tra theo quy định.

2. Các Phòng nghiệp vụ thuộc Cơ quan Cục và các Chi cục Thống kê

- Phản ánh kịp thời những khó khăn, vướng mắc, những điểm chưa thống nhất trong quá trình điều tra bằng điện thoại hoặc thư điện tử về Cục (qua Phòng Thu thập Thông tin thống kê) để tổng hợp chung, tham mưu Lãnh đạo Cục chỉ đạo thực hiện;
- Phối hợp với Phòng Thu thập Thông tin thống kê thực hiện công tác kiểm tra, làm sạch dữ liệu, nghiệm thu kết quả điều tra theo từng kỳ điều tra.

V. KINH PHÍ ĐIỀU TRA

Kinh phí Điều tra xuất khẩu, nhập khẩu năm 2025 trên địa bàn tỉnh do UBND tỉnh cấp. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được thực hiện theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia, Thông tư số 37/2022-TT-BTC ngày 22/6/2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 9, Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia và các quy định có liên quan. Toàn bộ kinh phí điều tra sẽ được thanh toán đúng khối lượng công việc thực tế phát sinh theo quy định của Phương án điều tra do Phòng Thu thập Thông tin thống kê lập, Kế toán Cục tổng hợp, thẩm định trình Cục trưởng phê duyệt./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài chính tỉnh (để báo cáo);
- Cục trưởng (để báo cáo);
- Các Phòng thuộc Cơ quan Cục;
- Chi cục TK các huyện, khu vực;
- Kế toán Cục;
- Lưu: VT, TTTTK.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Lê Thanh Tùng

Phụ lục 1

Danh mục mặt hàng/nhóm mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu

STT	Mặt hàng/Nhóm hàng	Đơn vị tính
I	Xuất khẩu	
1	Hàng thủy sản	1000USD
2	Hàng rau quả	1000USD
3	Hạt điều	Tấn
4	Cà phê	Tấn
5	Chè	Tấn
6	Hạt tiêu	Tấn
7	Gạo	Tấn
8	Sắn và các sản phẩm từ sắn	Tấn
9	Bánh, kẹo và sản phẩm từ ngũ cốc	1000USD
10	Than đá	Tấn
11	Dầu thô	1000USD
12	Xăng dầu các loại	Tấn
13	Quặng và khoáng sản khác	Tấn
14	Hóa chất	1000USD
15	Các sản phẩm hóa chất	1000USD
16	Phân bón các loại	Tấn
17	Chất dẻo nguyên liệu	Tấn
18	Sản phẩm từ chất dẻo	1000USD
19	Cao su	Tấn
20	Sản phẩm từ cao su	1000USD
21	Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù	1000USD
22	Sản phẩm mây, tre, cói và thảm	1000USD
23	Gỗ	1000USD
24	Sản phẩm gỗ	1000USD
25	Giấy và các sản phẩm từ giấy	1000USD
26	Xơ, sợi dệt các loại	1000USD
27	Vải các loại	1000USD
28	Hàng dệt, may	1000USD
29	Giày dép các loại	1000USD
30	Nguyên Phụ liệu dệt may, da giày	1000USD
31	Sản phẩm gốm, sứ	1000USD

STT	Mặt hàng/Nhóm hàng	Đơn vị tính
32	Thủy tinh và các sản phẩm bằng thủy tinh	1000USD
33	Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	1000USD
34	Sắt thép	Tấn
35	Sản phẩm từ sắt thép	1000USD
36	Kim loại thường khác và sản phẩm	Tấn
37	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	1000USD
38	Điện thoại các loại và linh kiện	1000USD
39	Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	1000USD
40	Máy móc thiết bị và dụng cụ phụ tùng	1000USD
41	Dây điện và dây cáp điện	1000USD
42	Phương tiện vận tải và phụ tùng	1000USD
43	Lạc nhân	Tấn
44	Điện	1000USD
45	Hàng hoá khác	1000USD
II	Nhập khẩu	
1	Hàng thủy sản	1000USD
2	Sữa và sản phẩm từ sữa	1000USD
3	Hàng rau	1000USD
4	Hạt điều	Tấn
5	Đậu tương	Tấn
6	Lúa mỳ	Tấn
7	Ngô	Tấn
8	Dầu mỡ động thực vật	Tấn
9	Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	1000USD
10	Thức ăn gia súc và nguyên liệu	1000USD
11	Nguyên phụ liệu thuốc lá	1000USD
12	Clanhke	Tấn
13	Dầu thô	Tấn
14	Xăng dầu các loại	Tấn
15	Khí đốt hóa lỏng	Tấn
16	Sản phẩm từ dầu mỏ khác	1000USD
17	Hóa chất	1000USD
18	Sản phẩm hóa chất	1000USD
19	Nguyên phụ liệu dược phẩm	1000USD

STT	Mặt hàng/Nhóm hàng	Đơn vị tính
20	Dược phẩm	1000USD
21	Phân bón các loại	Tấn
22	Thuốc trừ sâu và nguyên liệu	1000USD
23	Chất dẻo nguyên liệu	Tấn
24	Sản phẩm từ chất dẻo	1000USD
25	Cao su	Tấn
26	Sản phẩm từ cao su	1000USD
27	Gỗ và sản phẩm từ gỗ	1000USD
28	Giấy các loại	Tấn
29	Sản phẩm từ giấy	1000USD
30	Bông các loại	Tấn
31	Xơ, sợi dệt các loại	Tấn
32	Vải các loại	1000USD
33	Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	1000USD
34	Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	1000USD
35	Phế liệu sắt thép	Tấn
36	Sắt thép các loại	Tấn
37	Sản phẩm từ sắt thép	1000USD
38	Kim loại thường khác	Tấn
39	Sản phẩm từ kim loại thường khác	1000USD
40	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	1000USD
41	Hàng điện gia dụng và linh kiện	1000USD
42	Điện thoại các loại và linh kiện	1000USD
43	Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	1000USD
44	Máy móc thiết bị, DCPT khác	1000USD
45	Dây điện và dây cáp điện	1000USD
46	Ô tô nguyên chiếc các loại	Chiếc
47	Linh kiện, phụ tùng ô tô	1000USD
48	Xe máy nguyên chiếc	Chiếc
49	Linh kiện và phụ tùng xe máy	1000USD
50	Phương tiện vận tải khác và phụ tùng	1000USD
51	Điện	1000USD
52	Hàng hóa khác	1000USD

Phụ lục 2

**DANH MỤC CÁC NƯỚC VÀ LÃNH THỔ PHÂN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ
(Bằng tiếng Anh và tiếng Việt)**

STT/No	Country/Territory	Nước/Lãnh thổ	Code/Mã chữ
	ASIA	CHÂU Á	
	Eastern asia	Đông á	
1	China	Trung Quốc	CN
2	Taiwan	Đài Loan	TW
3	Hong Kong, China	Hồng Kông	HK
4	Macau	Ma Cao	MO
5	Democratic People's Republic of	CHDCND Triều tiên	KP
6	Japan	Nhật Bản	JP
7	Mongolia	Mông Cổ	MN
8	Republic of Korea	Hàn Quốc	KR
	South-central Asia	Trung nam á	
9	Afghanistan	Ap-ga-ni-xtan	AF
10	Bangladesh	Băng-la-đet	BD
11	Bhutan	Bu-tan	BT
12	India	Ấn-độ	IN
13	Iran (Islamic Republic of)	I-ran	IR
14	Kazakhstan	Ca-dắc-xtan	KZ
15	Kyrgyzstan	Kiêc-gi-ki-xtan	KG
16	Maldives	Man-đi-vơ	MV
17	Nepal	Nê-pan	NP
18	Pakistan	Pa-ki-xtan	PK
19	Sri Lanka	Xri-lan-ka	LK
20	Tajikistan	Tat-ji-ki-xtan	TJ
21	Turkmenistan	Tuốc-mê-ni-xtan	TM
22	Uzbekistan	U-zơ-bê-ki-xtan	UZ
	South-eastern Asia	Đông nam á	
23	Brunei Darussalam	Bru-nây	BN
24	Cambodia	Căm-pu-chia	KH
25	Indonesia	In-đô-nê-xi-a	ID
26	Lao People's Democratic Republic	Lào	LA
27	Malaysia	Ma-lai-xi-a	MY
28	Myanmar	My-an-ma	MM
29	Philippines	Phi-lip-pin	PH
30	Singapore	Xinh-ga-po	SG

STT/No	Country/Territory	Nước/Lãnh thổ	Code/Mã chữ
31	Thailand	Thái Lan	TH
32	East Timor	Đông Ti-mo	TP
33	Viet Nam	Việt Nam	VN
	Western Asia	Tây á	
34	Armenia	Ac-mê-ni-a	AM
35	Azerbaijan	A-dec-bai-zan	AZ
36	Bahrain	Ba-ren	BH
37	Cyprus	Síp	CY
38	Georgia	Gru-di-a	GE
39	Iraq	I-rắc	IQ
40	Israel	I-xra-en	IL
41	Jordan	Joóc-đa-ni	JO
42	Kuwait	Cô-oét	KW
43	Lebanon	Li-băng	LB
44	Oman	Ô-man	OM
45	Qatar	Qua-ta	QA
46	Saudi Arabia	Ả-rập Xê-ut	SA
47	Syrian Arab Republic	Xy-ri	SY
48	Turkey	Thổ-nhi-kỳ	TR
49	United Arab Emirates	Các tiểu VQ Ả-rập Thống Nhất	AE
50	Yemen	Y-ê-men	YE
	EUROPE	CHÂU ÂU	
	Eastern Europe	Đông âu	
51	Belarus	Bê-la-rut	BY
52	Bulgaria	Bun-ga-ri	BG
53	Czech Republic	Séc	CS
54	Hungary	Hun-ga-ri	HU
55	Poland	Ba-lan	PL
56	Republic of Moldova	Môn-đô-va	MD
57	Romania	Ru-ma-ni	RO
58	Russian Federation	Liên bang Nga	RU
59	Slovakia	Slô-va-ki-a	SK
60	Ukraine	U-crai-na	UA
	Northern Europe	Bắc âu	
61	Channel Islands	Chan-nen islands	
62	Denmark	Đan-mạch	DK
63	Estonia	Et-xtô-ni-a	EE

STT/No	Country/Territory	Nước/Lãnh thổ	Code/Mã chữ
64	Faeroe Islands	Đảo Fa-ê-rô	FO
65	Finland	Phân-lan	FI
66	Iceland	Ai-xơ-len	IS
67	Ireland	Ai-len	IE
68	Isle of Man	Isle of man	
69	Latvia	Lat-vi-a	LV
70	Lithuania	Lit-va	LT
71	Norway	Na-uy	NO
72	Svalbard and Jan Mayen Islands	Đảo Svan-bat và Jan-may-en	SJ
73	Sweden	Thụy-điển	SE
74	United Kingdom	Anh	GB
	Southern Europe	Nam âu	
75	Albania	An-ba-ni	AL
76	Andorra	An-đô-ra	AD
77	Bosnia and Herzegovina	Bô-xni-a Hec-xê-gô-vi-na	BA
78	Croatia	Crô-at-ti-a	HR
79	Gibraltar	Gi-bran-ta	GI
80	Greece	Hy-lạp	GR
81	Holy See	Tòa Thánh Va-ti-căng	VA
82	Italy	I-ta-li-a	IT
83	Malta	Man-ta	MT
84	Portugal	Bồ Đào Nha	PT
85	San Marino	Xan-ma-ri-nô	SM
86	Slovenia	Slô-ven-nhi-a	SI
87	Spain	Tây Ban Nha	ES
88	Macedonia	Ma-xê-đô-ni-a (CH Nam Tư cũ)	MK
89	Serbia and Montenegro	Sec-bi-a và Môn-tê-nê-grô	YU
	Western Europe	Tây âu	
90	Austria	Áo	AT
91	Belgium	Bỉ	BE
92	France	Pháp	FR
93	Germany	Đức	DE
94	Liechtenstein	Lech-ten-sten	LI
95	Luxembourg	Luc-xăm-bua	LU
96	Monaco	Mô-na-cô	MC
97	Netherlands	Hà Lan	NL
98	Switzerland	Thụy Sĩ	CH

STT/No	Country/Territory	Nước/Lãnh thổ	Code/Mã chữ
	AFRICA	CHÂU PHI	
	Eastern Africa	Đông phi	
99	Burundi	Bu-run-đi	BI
100	Comoros	CHLB Cô-mo	KM
101	Djibouti	Gi-bu-ti	DJ
102	Eritrea	Ê-ri-ô-trê-a	ER
103	Ethiopia	Ê-ti-ô-pi	ET
104	Kenya	Kê-ni-a	KE
105	Madagascar	Ma-đa-ga-xca	MG
106	Malawi	Ma-la-uy	MW
107	Mauritius	Mô-ri-tuyt	MU
108	Mayotte	May-ot-te	
109	Mozambique	Mô-dăm-bic	MZ
110	Reunion	Rê-uy-ni-ông	RE
111	Rwanda	Ru-an-đa	RW
112	Seychelles	Xây-sen	SC
113	Somalia	Xô-ma-li	SO
114	Uganda	U-gan-đa	UG
115	United Republic of Tanzania	Tan-da-ni-a	TZ
116	Zambia	Dăm-bi-a	ZM
117	Zimbabwe	Dim-ba-bu-ê	ZW
	Middle Africa	Trung phi	
118	Angola	Ăn-gô-la	AO
119	Cameroon	Ca-mơ-run	CM
120	Central African Republic	Cộng hoà Trung phi	CF
121	Chad	Sát	TD
122	Zaire	Zai-e	ZR
123	Congo	Công-gô	CG
124	Equatorial Guinea	Ghi-nê Xích đạo	GQ
125	Gabon	Ga-bông	GA
126	Sao Tome and Principe	Xao-tô-mê và Prin-xi-pê	ST
	Northern Africa	Bắc phi	
127	Algeria	An-giê-ri	DZ
128	Egypt	Ai-cập	EG
129	Libyan Arab Jamahiriya	Li-bi	LY
130	Morocco	Ma-rốc	MA
131	Sudan	Xu-đăng	SD
132	Tunisia	Tuy-ni-di	TN
133	Western Sahara	Tây Sa-ha-ra	EH

STT/No	Country/Territory	Nước/Lãnh thổ	Code/Mã chữ
	Southern Africa	Nam phi	
134	Botswana	Bôt-xoa-na	BW
135	Lesotho	Lê-xô-thô	LS
136	Namibia	Na-mi-bi-a	NA
137	South Africa	Nam-phi	ZA
138	Swaziland	Xoa-di-len	SZ
	Western Africa	Tây phi	
139	Benin	Bê-nanh	BJ
140	Burkina Faso	Buốc-ki-na-fa-xô	BF
141	Cape Verde	Cộng hoà Cáp-ve	CV
142	Cote d'Ivoire	Cốt-đi-voa (Bờ biển Ngà)	CI
143	Gambia	Găm-bi-a	GM
144	Ghana	Ga-na	GH
145	Guinea	Ghi-nê	GN
146	Guinea-Bissau	Ghi-nê Bit-xao	GW
147	Liberia	Li-bê-ri-a	LR
148	Mali	Mali	ML
149	Mauritania	CH Hồi giáo Mô-ri-ta-ni	MR
150	Niger	Ni-giê	NE
151	Nigeria	Ni-giê-ri-a	NG
152	Saint Helena	Xanh Hê-len	SH
153	Senegal	Xê-nê-gan	SN
154	Sierra Leone	Xi-ê-ra Lê-ông	SL
155	Togo	Tô-gô	TG
	AMERICA	CHÂU MỸ	
	Latin America and the Caribbean	Mỹ latin và vùng Caribê	
	Caribbean	<i>Liên hiệp QG vùng vịnh Caribê</i>	
156	Anguilla	An-ghi-la	AI
157	Antigua and Barbuda	Ang-ti-go-a và Bác-bu-đa	AG
158	Aruba	A-ru-ba	AW
159	Bahamas	Ba-ha-ma	BS
160	Barbados	Bac-ba-đot	BB
161	British Virgin Islands	Đảo Vơ-gin (thuộc Anh)	VG
162	Cayman Islands	Đảo Cai-man	KY
163	Cuba	Cu-ba	CU
164	Dominica	Đô-mi-ni-ca-na	DM

STT/No	Country/Territory	Nước/Lãnh thổ	Code/Mã chữ
165	Dominican Republic	CH Đô-mi-ni-ca-na	DO
166	Grenada	Grê-na-đa	GD
167	Guadeloupe	Goa-đơ-lúp	GP
168	Haiti	Hai-i-ti	HT
169	Jamaica	Ja-mai-ca	JM
170	Martinique	Mac-ti-nich	MQ
171	Montserrat	Môn-xê-rat	MS
172	Netherlands Antilles	Ne-dơ-lân an-tin-lơ	AN
173	Puerto Rico	Pu-ec-tô-ri-cô	PR
174	Saint Kitts and Nevis	Liên bang Xan-kit và Nê-vi	KN
175	Saint Lucia	Xan-ta-lu-xi-a	LC
176	Saint Vincent and the Grenadines	Xan Vin-xăng và Grê-na-đin	VC
177	Trinidad and Tobago	Tri-ni-đát và Tô-ba-gô	TT
178	Turks and Caicos Islands	Tóc-cơ và Cai-cốt	TC
179	United States Virgin Islands	Vơ-gin (thuộc Mỹ)	VI
	Central America	Trung Mỹ	
180	Belize	Be-li-zơ	BZ
181	Costa Rica	Côt-xta-ri-ca	CR
182	El Salvador	En-xan-va-đo	SV
183	Guatemala	CH Goa-tê-ma-la	GT
184	Honduras	Hon-đu-rat	HN
185	Mexico	Mê-hi-cô	MX
186	Nicaragua	Ni-ca-ra-go-a	NI
187	Panama	Pa-na-ma	PA
	South America	Nam Mỹ	
188	Argentina	Ac-hen-ti-na	AR
189	Bolivia	Bô-li-vi-a	BO
190	Brazil	Bra-xin	BR
191	Chile	Chi-lê	CL
192	Colombia	Cô-lôm-bi-a	CO
193	Ecuador	Ê-cu-a-đo	EC
194	Falkland Islands (Malvinas)	Đảo Phooc-lan	FK
195	French Guiana	Gui-an (Pháp)	GF
196	Guyana	Guy-a-na	GY
197	Paraguay	Pa-ra-guay	PY
198	Peru	Pê-ru	PE
199	Suriname	Xu-ri-nam	SR
200	Uruguay	U-ru-guay	UY
201	Venezuela	Vê-nê-xu-ê-la	VE

STT/No	Country/Territory	Nước/Lãnh thổ	Code/Mã chữ
	Northern America	Bắc mỹ	
202	Bermuda	Béc-mu-đa	BM
203	Canada	Ca-na-đa	CA
204	Greenland	Grin-len	GL
205	Saint Pierre and Miquelon	Sanh-pi-e-rơ và Mi-quê-lon	PM
206	United States	Mỹ	US
	OCEANIA	CHÂU ĐẠI DƯƠNG	
207	American Samoa	Xa-moa	AS
208	Australia	Ô-xtrây-li-a	AU
209	Christmas Island	Đảo Crit-mat	CX
210	Cocos (Keeling) Island	Đảo Cô-cô	CC
211	Cook Islands	Đảo Cúc	CK
212	Fiji	Phi-gi	FJ
213	French Polynesia	Quần đảo Pô-li-nê-di (thuộc Pháp)	PF
214	Guam	Gu-am	GU
215	Kiribati	Ki-ri-ba-ti	KI
216	Marshall Islands	Quần đảo Mat-san	MH
217	Micronesia (Federated States of)	Liên bang Mi-cro-nê-si-a	FM
218	Nauru	Na-u-ru	NR
219	New Caledonia	Tân Ca-lê-đô-ni	NC
220	New Zealand	Niu-Di-lân	NZ
221	Niue	Niu-ê	NU
222	Norfolk Island	Đảo No-phố	NF
223	Northern Mariana Islands	Đảo Ma-ri-a-na Bắc	MP
224	Palau	Pa-lau	PW
225	Papua New Guinea	Pa-pua Niu Ghi-nê	PG
226	Pitcairn	Pít-canh	PN
227	Samoa	Tây Xa-moa	WS
228	Solomon Islands	Đảo Xa-lô-môn	SB
229	Tokelau	Tô-kê-lau	TK
230	Tonga	Tông-ga	TO
231	Tuvalu	Tu-va-lu	TV
232	Vanuatu	Va-nu-a-tu	VU
233	Wallis and Futuna Islands	Các đảo Oa-lit và Phu-tu-na	WF
234	Areas not elsewhere specified	Vùng chưa phân rõ ở nơi nào	